

Thơ Thiền Việt Nam trong thời công nghệ số

ISSN: 2734-9195 14:00 30/06/2025

Phật giáo coi thế giới là một bể khổ và mục đích cuối cùng của Phật giáo là tìm con đường giải thoát khỏi bể khổ luân hồi đó.

Tác giả: **Thượng tọa TS Thích Hạnh Tuệ - TS Thích nữ Thanh Quế**

Tóm tắt

Thiền học Việt Nam nói chung, Thơ thiền Việt Nam nói riêng đã khai mở, dẫn lối và nâng đỡ nhận thức của con người từ trong quá khứ, đến hiện tại và cả tương lai. Mong rằng nhiều thế hệ tương lai của đất nước có thể tiếp xúc được với thơ thiền, hiểu thơ thiền và lĩnh hội được thơ thiền nhằm nâng cao phẩm chất con người.

Ôn cố nhi tri tân, vén bức màn bí mật về những thông điệp quý giá mà ông cha ta muốn gửi lại cho chúng ta trong thơ thiền để gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa ngàn đời của dân tộc.

1. Dẫn nhập

Khi nói đến Thiền học Việt Nam, không thể không nhắc tới dòng thơ Thiền, một dòng thơ tĩnh lặng, thiêng liêng, trầm lắng mà không kém phần sâu sắc như đóa hoa mai suốt bốn mùa xuân hạ thu đông rồi lại xuân. Thơ thiền đã phản ánh sâu sắc các triết lý sống và tư tưởng của Thiền Phật giáo, mang lại sự bình an và giác ngộ cho người đọc.

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện là yếu tố trung tâm, trọng điểm, cần quan tâm đến các phẩm chất con người, tìm hiểu quan niệm về con người trong thơ thiền sẽ giúp cung cấp một nền tảng cần thiết từ bài học của ông cha ta để lại trong nhiều hoàn cảnh lịch sử khác nhau, từ đó đem lại những giá trị cần thiết để ứng dụng vào cuộc sống hiện đại.

2. Thơ thiền Việt Nam

Nói đến thơ Thiền là nói đến một hiện tượng văn học độc đáo, một bông hoa đẹp đẽ, kỳ diệu và có sức cuốn hút hấp dẫn kỳ lạ nhất trong vườn thơ ca. Thơ Thiền gắn với tư tưởng Thiền tông Phật giáo và mỹ học Thiền nên ngoài chất thơ ra nó còn có thêm một chất đặc trưng khác: chất Thiền. Nhờ chất này mà thơ Thiền mang một nét độc đáo, đặc sắc, góp phần làm cho thế giới thơ ca trở nên phong phú và hấp dẫn hơn.

Nghiên cứu thơ Thiền dưới góc độ thi pháp học là xem xét ở cấp độ hình thức nghệ thuật mang nội dung trong tính chỉnh thể, tính quan niệm. Nhờ thế, mới có thể nhận ra được chiều sâu của tầm vóc tư duy và cách thức phản ánh hiện thực (vạn pháp) của các thiền gia - thi nhân. Và cũng chỉ có như vậy, mới nhận thức được những đóng góp của thơ Thiền cho sự phát triển của văn học.

Mặc dù, mới nhìn sẽ thấy thơ và Thiền rất khác xa nhau. Thiền là phương pháp tu tập, dùng để luyện cho tâm tập trung chuyên nhất, thuộc Phật giáo; còn thơ dùng để bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của con người đối với cuộc sống, thuộc văn học.

Xét về nguồn gốc, thơ đã ra đời và rất thịnh hành trước khi Thiền đạo trở thành một tông phái của Phật giáo. Xét về cứu cánh, Thiền tông nhằm đến giác ngộ tự tính; còn thơ dùng để chia sẻ tâm tình, truyền tải đạo lý. Ở Trung Hoa, họ đã đem phương pháp tham Thiền để giảng dạy cho người học làm thơ:

*"Học thơ phải như mới học Thiền
Chưa ngộ phải tham vấn khắp nơi
Một sáng ngộ được mắt chính pháp
Những gì tay viết thấy văn chương".*

Một trong những đặc trưng phân biệt thơ Thiền với những dòng thơ khác chính là ở cách sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật của thơ Thiền. Với quan niệm “*Ngôn ngữ đạo đoạn*”, lời nói ngôn từ hữu hạn ở đây không thể diễn tả trọn vẹn và đầy đủ cái chân lý vô cùng, thể hiện rõ nét quan điểm mỹ học phương Đông. Ngôn ngữ thông thường khó có thể diễn tả, thể hiện được trọn vẹn cái tĩnh mà động, thường mà biến, hư mà thật của vạn pháp. Ngôn ngữ thơ Thiền được dùng đạt đến đỉnh điểm của tính hàm súc, cô đúc.

Mặc dù vậy, cái hiện ra qua bề mặt ngôn ngữ cũng chỉ là một phần nổi của tảng băng trôi, phần chính yếu, ngôn ngữ không thể diễn tả hết được chẳng khác nào như chín phần còn lại chìm dưới của tảng băng, ẩn tàng sau lớp từ ngữ. Cho nên ngôn ngữ thơ Thiền không có quá kỳ vọng diễn đạt toàn vẹn đối tượng mà cốt chỉ khơi gợi hướng tới chiếm lĩnh đối tượng. Đó là thứ ngôn ngữ siêu ý tại ngôn ngoại.

Thơ Thiền Việt Nam trung đại thuộc về các tác giả của các thiền phái: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, Trúc Lâm Yên Tử. Nhưng đến giữa thế kỷ XV, trước sự phát triển và xâm lấn của Nho học, tác phẩm thơ thiền không nhiều. Dưới thời nhà Lê có các tác phẩm của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Hoàng Nam Kim...

Nhà Mạc có tác giả Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Nhà Lê Trung Hưng có tác giả Phùng Khắc Khoan, Minh Hành, Minh Lượng, Nguyễn Thiều, Ngô Thì Nhậm, Hương Hải, Thạch Liêm, Thủy Nguyệt, Tông Diễn, Chân Nguyên, Pháp Bảo, Hưng Long, Như Trừng, Liễu Quán, Ngô Thì Ước, Mạc Thiên Tích, Ninh Tồn, Tịch Truyền, Đạo Nguyên, Phan Huy Ích, Thanh Đàm, Thanh Nguyên, ...

Nhà Nguyễn có các tác giả Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Phổ Tịnh, Thông Vinh, Minh Giác, Viên Quang...

Đầu thế kỷ XX, có các tác giả như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Trọng Kim...

Các bài thơ của thiền sư thế hệ Phổ Huệ (Bình Định), Tịnh Trai (Vĩnh Long), Tâm Tịnh (Huế), Giác Tiên (Huế), Tâm Minh (Huế), Viên Thành (Huế) ... lần lượt ra đời. Các bài thơ: *"Tiếng địch chiều thu"* (1949), *"Xuân vô ý"* (1950), *"Mùa xuân cũ"* (1950) của Nguyễn Lang. Những năm 60 ở miền Nam, thơ Thiền có thể kể đến là thơ của Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư, Phạm Công Thiện...

Cuối thế kỷ XX, Thơ thiền Việt Nam có thể kể đến các tác giả: Hòa thượng Thanh Từ, Thiền sư Nhất Hạnh, Hòa thượng Duy Lực, Thiền sư Nguyễn Lang... đã được các tác giả kế tục và làm mới để phù hợp với cuộc sống hiện đại.



Hình ảnh chỉ mang tính minh họa (sưu tầm).

3. Quan niệm về con người trong thơ thiên Việt Nam

Văn học là nhân học, văn học làm nên con người. Con người vừa là đối tượng chủ yếu, vừa là mục đích cứu cánh của văn học. Quan niệm nghệ thuật về con người là một phạm trù rất quan trọng của thi pháp học, là trung tâm của quan niệm thẩm mỹ của nghệ xi. Nó hướng chúng ta đến đối tượng chủ yếu của văn học. Không thể lý giải một hệ thống thơ mà bỏ qua con người thể hiện trong đó.

3.1. Cảm thức về con người vật lý tứ đại vô thường

Trong thơ Thiền đề cập đến con người thực thể hay nói theo ngôn ngữ nhà Phật là con người tứ đại, bao gồm: đất, nước, lửa, gió. Cụ thể là xương, thịt, tóc, tai... thuộc về đất; máu, huyết, tủy... thuộc thủy; hơi ấm, hơi nóng... thuộc hỏa; khí, hơi thở... thuộc gió.

Trong cảm quan Thiền đạo, các thiền sư - thi sĩ cho rằng con người tứ đại vốn do các yếu tố xung khắc nhau trong bản chất tạo thành, cho nên thân xác con người không ổn định, không thường hằng. Con người tứ đại luôn bị chi phối bởi quy luật “sinh lão bệnh tử” cũng như vạn vật trong vũ trụ bị quy luật “thành trụ hoại diệt” chi phối.

Thiền sư Mãn Giác chỉ với bốn câu, hai mươi chữ đã khái quát toàn bộ quy luật này bằng hình ảnh vô cùng sinh động:

*“Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa nở
Trước mắt, việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi”.*

Con người càng ý thức thời gian hoa rụng, hoa nở nhanh bao nhiêu, thì càng ý thức cái già đến nhanh bấy nhiêu, ý thức về cuộc sống hiện hữu của mình. Hoa trước khi rụng, nó đã đem màu sắc, hương thơm dâng hiến cho cuộc đời, chẳng lẽ con người chẳng có gì cống hiến cho cuộc sống sao? Phải chăng cuộc đời con người rồi cũng đi về phía hủy diệt? Câu hỏi này tác động mạnh mẽ vào người nghe, buộc người nghe phải tư duy cao độ, khơi gợi, kích thích người nghe tập trung suy tư như là đề mục công án nhà Thiền, là điều kiện cần cho sự bừng vỡ giác ngộ.

Theo lý Duyên sinh của Phật giáo, mọi vật trên đời này, kể cả thân người không ngoài nhân duyên mà có, nhân duyên hợp lại thì thành, nhân duyên tan rã thì mất. Đạo Huệ làm rõ hơn mối quan hệ giữa thân tứ đại (sắc thân) thuộc về hình tướng và diệu thể (thể vi diệu) thuộc về thể tính:

*“Sắc thân và diệu thể
Chẳng hợp chẳng lìa xa”.*

Sắc thân và diệu thể không phải là một mà cũng chẳng phải là hai, chúng không đồng nhất cũng không tách biệt. Hình ảnh một cành hoa trong lò lửa đánh đổ mọi sự cố gắng tách bạch một cách rạch ròi, thô thiển giữa sắc thân và diệu thể:

*“Nếu người muốn phân biệt
Lò lửa, một cành hoa”*

Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền từng phát biểu: *“Nó (diệu thể) vốn vô hình thông suốt cả mười phương. Ở mắt là thấy, ở tai là nghe, ở mũi là ngửi, ở miệng là đàm luận, ở tay là cầm nắm, ở chân là đi lại, ở thân là di chuyển. Vốn là một tinh minh phân làm sáu hòa hợp”.*

Con người đó ứng hiện khắp mọi nơi, không gì che giấu được, không gì có thể chi phối, ảnh hưởng được, như Trần Thánh Tông có viết trong bài Tự thuật:

*“Lạnh đến nóng qua không nhận biết
Mảy may chẳng bận đến thân ông”*

Con người ấy, dù trong hoàn cảnh nào, tình huống nào cũng ung dung tự tại, không gì lay chuyển nổi, nó vốn có sẵn trong mỗi con người chúng ta. Nó là *“gia*

trung hữu bảo” (của quý trong nhà - theo cách nói của Trần Nhân Tông). Khi con người chưa thấu rõ và sống trọn vẹn với nó thì chưa ngộ được quy luật vận động của vạn hữu, nên bị quy luật *“sinh trụ dị diệt”* hoặc *“thành trụ hoại diệt”* chi phối. Còn một khi đã nhận ra được con người thật ấy rồi ta sẽ làm chủ được mình, làm chủ được hoàn cảnh, làm chủ được thiên nhiên. Trần Nhân Tông trong bài Xuân vãn đã so sánh sự khác nhau giữa con người chưa giác ngộ và con người đã giác ngộ theo sự trải nghiệm của chính bản thân ông:

*"Tuổi trẻ chưa từng hiểu sắc không
Xuân sang hoa nở rộ trong lòng
Chúa xuân nay đã bị khám phá
Nệm cỏ ngồi yên ngó rụng hồng"*

Hay như Trần Thánh Tông đã dùng hình ảnh mây trên trời và nước trong bình để trả lời về sự sống và cái chết:

*"Ai kẻ hỏi ta sinh với diệt
Mây trên trời biếc, nước trong bình".*

Dưới con mắt của người trí, người đạt đạo thì sống chết, sinh diệt chỉ là những trạng thái, hình thức biểu hiện khác nhau, nhưng bản chất không khác. Hay như Thiền sư Nhất Hạnh có nói: *“không sinh không diệt đừng sợ hãi”*. Nói một cách khoa học thì chúng ta có thể nhìn thấy cái sinh và cái diệt đang diễn ra trong giờ phút hiện tại, đó là sự thật. Bởi vì có những tế bào chết đi nên những tế bào mới được sinh ra và vì có những tế bào được sinh ra nên mới có những tế bào chết đi. Chúng nương vào nhau để biểu hiện.

3.2. Cảm thức về con người trí tuệ uyên bác

Con người trí tuệ ở đây còn thể hiện ở sự thông đời liễu đạo, am hiểu Phật – Đạo – Nho, dung thông Tam giáo, đem hết sức mình làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, góp phần an bang định quốc, tự tin vào mình, không nương tựa vào tha lực, cho dù đó là bậc đạo sư của họ như Quảng Nghiêm trong bài Thị tịch:

*"Nam nhi tự có chí ngút trời
Đừng đi theo lối mòn của Như Lai"*

Với Tuệ Trung Thượng Sĩ, đó là hình tượng con người trí tuệ, bản lĩnh, tự tin ở năng lực và sức mạnh của mình, không ỷ lại hay nương tựa vào bất kỳ một thế lực nào khác. Tuệ Trung mở đầu bài kệ – thơ Thị chúng bằng: Hưu tầm Thiếu Thất dữ Tào Khê (Chớ tìm Thiếu Thất với Tào Khê). Và kết thúc bằng: Mạc tầm Nam Bắc dữ Đông Tây (Đừng tìm Nam Bắc với Đông Tây.)

Ở đây, Tuệ Trung đã dùng chữ “*Hưu*” là phủ định từ, mang nét nghĩa như lời khuyên bảo; còn “*Mạc*” lại có ý phủ định mạnh mẽ. Ý phủ định này được tăng dần lên theo ngữ điệu, từ “*hưu*” đến “*mạc*”, từ những địa danh cụ thể, có giới hạn: Thiếu Thất, Tào Khê cho đến không gian bao la rộng lớn: Nam, Bắc, Đông, Tây chính là để biểu đạt cái bản lĩnh, tự tin vô biên của con người trí tuệ.

Trong khi đó, Trần Minh Tông thì dùng từ “*hưu*”, “*phất*” ở thể trùng điệp để thể hiện sự tự tin vào bản lĩnh của chính mình trong bài Giới am ngâm: *Hưu hưu ngoại mịch khổ thi công (Thôi thôi tìm ở ngoài vô ích), Phất phất tỵ khổng cổ kim đồng (Phập phồng cánh mũi xưa nay chung).*

Nhà Thiền xem trọng tính tự giác. Phật nói: “*Các người hãy tự thấp đuốc lên mà đi*”, đức Phật hay các bậc sư phụ chỉ là “*Đạo sư*”, tức là người hướng dẫn, người chỉ đường mà thôi. Muốn đến đích, muốn tìm ra chân lý thì mình phải tự cố gắng, tự nỗ lực mà thôi, không ai có thể giúp được mình cả. Đây chính là cách thức khơi gợi, kích thích, khai mở dòng thác trí tuệ của mỗi con người. Trí tuệ này có được không chỉ nghe người khác dạy mà có được, mà còn do tự mình suy tư, chiêm nghiệm cho đến lúc bừng vỡ mới thôi. Hơn nữa cái đích mà người học Thiền muốn đạt tới chính là giác ngộ, tức là thông suốt “*thực tướng của các pháp*”, chân lý của vũ trụ, quy luật của vạn hữu. Muốn đạt được điều này, phải đạt tới “*Nhất thiết trí*”, tức là ngoài trí tuệ sẵn có, kiến thức do học mà có, trí tuệ này có được chỉ nhờ qua Thiền định mà thôi. Bởi vậy nhà Phật nói “*Duy tuệ thị nghiệp*” (chỉ có trí tuệ mới là sự nghiệp). Ai cũng đọc được thơ Thiền, ai cũng hiểu được thơ Thiền, nhưng không phải ai cũng “*ngộ*” được thơ Thiền.

Sống trong một xã hội loạn ly, vào những năm tháng cuối thời Lý, đầu thời Trần, giới Phật giáo phải ý thức về mình để có thái độ sống biết giữ đạo và gánh vác việc đời. Sống hòa mình với đời, làm việc cần làm, đúng lúc phải làm và không trái quy luật tự nhiên, trở về khơi dậy khả năng của chính mình, tự tin vào mình, không bị nô lệ vào bất cứ thứ gì. Một loạt thiền sư xuất gia, tại gia đều tích cực tham gia vào các hoạt động của đời sống kinh tế, chính trị của đất nước, họ có thể là nhà tư tưởng chiến lược, tướng cầm quân, nhà trí thức lớn, nhà thơ, nhà văn, thầy thuốc tùy theo sự phân công và khả năng mà sẵn lòng tham gia cống hiến, sống đúng đạo lý như Trần Nhân Tông nói trong Cư trần lạc đạo: “*Sạch giới lòng, chùi giới tướng, nội ngoại nên Bồ tát trang nghiêm, ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đố mới trượng phu trung hiếu. Tham thiền kén bạn, nát thân mình mới khá hồi ân, Học đạo thờ Thầy, dọt xương óc chưa thông của báo*” (Hội thứ 6)

3.3. Cảm thức về con người thông dong tự tại

Hiện lên trong thơ Thiền còn là con người tự tại với phong thái ung dung trầm tĩnh, tiêu điều thanh thoát, hoà mình vào thiên nhiên vạn vật, sống trọn vẹn với thực tại, hết mình với cuộc sống. Họ không truy cầu quá khứ, không mơ tưởng hão huyền ở tương lai. Giá trị chân thực của cuộc sống dưới nhãn quan của thi sĩ Thiền không phải là những gì bí mật xa vời mà là ở ngay trước mắt, ngay trong sát na hiện thực tỉnh giác. Quan niệm “*Nhất thiết duy tâm tạo*” từ kinh Hoa Nghiêm đã tạo nên cảm quan và tư tưởng vô ngại cho các Thiền sư. Đúng như lời Lý Nhân Tông khen Vạn Hạnh:

*"Vạn Hạnh thông ba cõi
Lời ông nghiệm sấm thi
Quê hương làng Cổ Pháp
Chống gậy trấn kinh kỳ"*

Hiện Quang tuy là người tài năng xuất chúng, danh vang khắp chốn nhưng vẫn:

*"Vô vi sống đồng rộng
Người tự tại thông dong"*

Trần Nhân Tông chủ trương tùy duyên mà tự tại. Trong bài kệ kết thúc bài “*Cư trần lạc đạo phú*”, nhà vua - thiền sư phát biểu:

*"Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói ăn khát uống mệt ngủ liền"*

Câu hỏi Con người là ai? Ta là ai? cứ đeo đẳng và ám ảnh nhiều thế hệ ở nhiều thời đại. Phải chăng Mãn Giác đã thấu rõ con người thật không địa vị, sống trọn vẹn với nó, hoàn toàn đã giải đáp được câu hỏi Ta là ai? Đạt tới cảnh giới cao nhất của sự tự do và giải thoát, nên dù thân thể sắp bị hủy hoại theo quy luật vô thường, đang ở bên bờ vực thẳm giữa sự sống và cái chết, mà vẫn ung dung, tự tại không hề sợ sệt hay hoảng loạn:

*"Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai"*

3.4. Con người với tấm lòng yêu quê hương đất nước

Không gian vũ trụ là đặc trưng cảm nhận thế giới của con người thời trung đại. Không gian trong thơ Thiền trước hết là không gian trong tính bản thể của nó. Dưới tuệ nhãn của các Thiền sư, không gian cũng là một pháp, bản thể của nó không khác gì với bản thể của vũ trụ, trong đó có con người. Không gian trong thơ Thiền đã được tâm hoá nên nó được tái hiện bởi quan niệm một là tất cả, tất cả là một. Hình tượng không gian bao la vô cùng vô tận thường được dụ cho

Phật tính, là biểu trưng của bản thể vũ trụ, chỉ có sự bao la vô biên của không gian mới là cái đất giá cho các thi sĩ chọn làm biểu tượng ẩn dụ cho chân tâm viên giác tròn đầy. Hãy lắng lòng cùng Trần Quang Triều hoà mình vào cảnh chiều hôm nơi ngôi chùa cổ trong bài Đề Gia Lâm tự:

*"Xuân chày hoa mỏng mảnh
Rừng thẳm ve ngân nga
Mưa lạnh da trời biếc
Ao trong ánh trăng ngà
Khách về tăng không nói
Thông rụng nước mùi hoa"*

Lúc này, thật không một ngôn ngữ nào diễn tả hết được cái không gian trong sáng của cảnh. Cảnh vật thanh u, tĩnh lặng, không khí mát mẻ. Một sự thanh khiết vô biên tuyệt diệu của đất trời khiến cho con người thanh lọc hết mọi ưu tư phiền não, vướng mắc, để đạt tới sự yên bình thanh thản vô hạn. Trạng thái lặng yên không nói, hoà nhập tâm mình với vạn vật như trên, còn được Trần Nhân Tông bộc bạch trong bài Xuân Cảnh:

*"Khách đến không hỏi chuyện đời
Cùng tựa lan can ngắm màu xanh"*

Bằng nghệ thuật ngôn ngữ vô ngôn, Thiền gia – thi sĩ đã mở ra một cầu trường cảm nhận vô biên giữa tác giả và người đọc. Mỹ học của thơ Thiền đã mang đến cho thơ ca giai đoạn này một luồng sinh khí tràn đầy sức sống với một thế giới cảm xúc mới lạ và rộng mở đến vô hạn.

Nếu như thế giới tồn tại trong không gian, thời gian thực tại, thì thế giới nghệ thuật chỉ có thể tồn tại trong thời gian và không gian nghệ thuật. Thời gian nghệ thuật trong thơ không chỉ là quan niệm của tác giả về thời gian, mà còn là hình tượng thời gian sinh động, là sự cảm thụ, ý thức về thời gian như là hình thức nghệ thuật phản ánh hiện thực, lý giải con người.

Thời gian luân hồi tuần hoàn theo chu kỳ được Mãn Giác thể hiện chỉ với bốn câu, hai mươi chữ mà đã khái quát toàn bộ quy luật sinh trụ di diệt của vạn vật và quy luật sinh lão bệnh tử của con người, bằng hình tượng sinh động trong bài kệ giàu chất thi ca:

*"Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lại"*

(Xuân đi trăm hoa rụng/ Xuân đến trăm hoa cười/ Sự việc qua trước mắt/ Trên đầu già đến rồi)

Tác giả đã vẽ ra vòng tuần hoàn liên miên bất tận bằng cách gọi lên hình tượng hoa rụng trước, hoa nở sau để dẫn ra những vòng đời tiếp theo của hoa. Các từ được dùng trùng điệp: xuân, hoa như để chỉ ra quy luật này chẳng khác gì bánh xe luân hồi tuần hoàn mãi không dứt. Chữ “*bách*” được dùng lặp lại không chỉ là chỉ số trăm mà hàm ý vũ trụ vạn vật muôn loài kể cả con người, không loài nào thoát ra ngoài quy luật đó được. Hình ảnh mái tóc bạc là biểu tượng của dấu ấn thời gian hằng in trong tâm khảm của mọi người.

Thơ Thiền đề cập đến thời gian ngắn ngủi, chóng vánh nhằm cảnh tỉnh mọi người không nên chìm đắm trong mộng tưởng điên đảo mà phải nỗ lực chuyên cần tu tập, vượt ra ngoài mọi sự câu thúc của thời gian hữu hạn, để đạt tới cảnh giới siêu việt thời gian. Tức là hiểu thấu thời gian trong tính bản thể của nó. Nhìn thời gian trong bản chất của nó, không dài, không ngắn; không nhanh, không chậm; không đến, không đi; vô thủy vô chung; xem sát na và khoảnh khắc là mãi mãi. Đó chính là thời gian thực tướng được lọc qua cảm quan Thiền của các Thiền gia – thi sĩ cũng là nét đặc trưng của nghệ thuật về thời gian trong thơ Thiền, khó có thể tìm thấy trong các bộ phận thơ ca khác.

Lúc này, họ không còn phân biệt: năm ngoái, năm nay; đêm hôm trước, đêm hôm nay, như Tuệ Trung viết trong bài Đốn tỉnh:

“Tạc dạ nguyệt minh kim dạ nguyệt, Tân niên hoa phát cố niên hoa” (Đêm qua trăng sáng, trăng đêm nay/ Năm mới hoa nở, hoa năm cũ).

Khoảnh khắc chợt tỉnh cũng tức là thời gian giao điểm giữa mê và ngộ, thời gian chuyển đổi lớn lao từ cái nhìn nhị nguyên đến cái nhìn triệt ngộ, khoảnh khắc đó tuy ngắn ngủi nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn:

*“Tỉnh giấc tiếng chày đâu chẳng biết
Trên cành hoa quế trắng mới lên”*

Thời gian trong thơ Thiền là thời gian hiện tại, không hoài cổ như thường thấy trong thơ Đường. Thời gian tỉnh giấc trong phút giây hiện tại, không hoài niệm quá khứ, không mơ mộng tương lai. Đặc biệt, mùa thu và ban đêm thường được các thi nhân chọn làm hình tượng thời gian, có lẽ cái không gian trong trẻo, tĩnh mịch của ban đêm vào mùa thu là thời khắc của sự hoà điệu giữa con người và vũ trụ, và là thời điểm thích hợp nhất để biểu hiện cái chân tâm Phật tính, cũng là lúc thuận lợi nhất cho sự bừng vỡ giác ngộ. Con người đứng trước không gian trong lặng của đất trời, muôn vạn phiền não vô minh như được rửa sạch, chẳng

khác nào như mây đen nhờ gió cuốn đi, để hiện rõ mặt trời tự tính trong sáng thuần khiết vô biên.

3.5. Con người với tấm lòng vô ngã vị tha

Hãy hình dung phong thái của Hiện Quang trong bài Đạo:

*“Vô vi sống đồng rộng
Người tự tại thung dung”.*

Đó còn là con người vô ngã vị tha thể hiện rất rõ trong thơ Thiển. Vô ngã là không chấp cái “Ta” và cái “Của ta”; Vị tha là vì chúng sinh, vì mọi người, một phần biểu hiện cụ thể là những con người vừa có tấm lòng khoan dung độ lượng; vừa yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước; đem hết năng lực, trí tuệ của mình để phục vụ nhân dân, đất nước. Vô ngã nghĩa là không còn chấp ngã, không còn chấp pháp; tức không còn phân biệt cái này của ta, cái kia thuộc về ta; không còn lo lợi ích cho riêng mình, khư khư bám víu vào lòng ham muốn của ta.

Vô ngã là giải thoát, là niết bàn, nó không mang ý nghĩa phủ nhận giá trị con người, xoá bỏ con người; không mang ý nghĩa phi nhân bản, mà chính là giải thoát con người ra khỏi tù ngục của sự cố chấp, thành kiến; giải phóng con người ra khỏi mọi thúc phược của mọi sự tác động từ ảnh hưởng bên ngoài, nhất là sự trói buộc tham dục và thành kiến của chính mình, hướng tới giá trị đích thực của con người tự do với ý nghĩa tuyệt đối, con người vô ngã trước hết là con người tự do tuyệt đối, gắn với trạng thái lãng quên kỳ diệu, có lẽ ở trong trạng thái lãng quên đó, con người dễ dàng đạt đến cảnh giới “Vô ngã”.

Trạng thái đó cũng là trạng thái thứ tám trong Thập mục ngư đồ “*tương vong*” (cùng quên). Kinh nghiệm của trạng huống “*vật ngã câu vong*” (ta, vật đều quên) được Huyền Quang ghi lại trong bài Cúc hoa, số 3:

*“Quên mình, quên đời, quên tất cả
Yên lặng ngồi lâu lạnh cả giường”.*

Lúc đó, con người và vạn vật hoà quyện vào nhau không còn hiện hữu sự tách bạch. Giây phút ấy, cái “tôi” phân biệt như đã tan vào trong vũ trụ vạn vật bao la, không còn bóng dáng, con người ở đây như nhận thức được sự hữu hạn của cuộc đời, sự ngắn ngủi của cuộc sống với quy luật “*Hữu thành tất hữu hoại*” (có thành tựu ắt có huỷ hoại). Hãy mở rộng tâm hồn đến vô biên hoà vào thể tính bao la của vũ trụ, hoá thân vào sum la vạn tượng, tồn tại mãi với thời gian.

Con người vô ngã vị tha (quên mình vì mọi người) thể hiện rõ trong lời khuyên của Lý Nhân Tông với Mãn Giác: *“Chí nhân thị hiện, tất vụ tế sinh, vô hạnh bất cự, vô sự bất tu, phi duy định tuệ chi lực, diệc hữu tán dương chi công, thả kính nhậm chi”* (Bậc chí nhân thị hiện tất phải tận lực cứu giúp chúng sinh, không hạnh nào không đủ, không việc gì không làm, chẳng những đặc lực về Thiền định lại có công giúp ích nước nhà) . Trần Thái Tông đem cả đời mình để chứng minh cho lời nguyện: *“Lấy thân mình làm người đưa đường cho thiên hạ”*

3.6. Vô vị chân nhân

Nếu con người vừa là đối tượng phản ánh vừa là mục tiêu cuối cùng của văn học thì con người thật không địa vị (vô vị chân nhân) vừa là đối tượng để các thiền sư - thi sĩ chiêm nghiệm, nghiền ngẫm rồi phản ánh; đồng thời lại vừa là mục đích, cứu cánh của thơ Thiền.

Xét đến cùng, thơ Thiền đã chỉ rõ sự vô thường, bất ổn của con người tứ đại nhằm mục đích hướng người đọc quay về nhận lại con người thật không địa vị có sẵn trong mỗi con người. Con người thật không địa vị này chính là *“Phật tính”* trong lời dạy của đức Thế Tôn: Tất cả chúng sinh đều có tính Phật, là chân tâm thường hằng bất diệt của mọi chúng sinh.

Với thơ Thiền, hình tượng con người được thể hiện thông qua cảm quan Thiền. Đó là vô vị chân nhân tức con người thật không địa vị. Nói cách khác là con người trong tính bản thể. Con người này không phải là con người vật lý, con người tứ đại mà cũng không ngoài con người tứ đại. Con người thật không địa vị là bí ẩn sâu kín nhất trong mỗi con người. Nó không hình - không tướng, không màu - không mùi, không lớn - không nhỏ, không ngắn - không dài, không trong - không ngoài. Nó bao trùm khắp nơi, không thể nắm bắt, chỉ có thể sáng suốt tịnh tâm mà thể hội.

Biểu hiện của con người thật không địa vị này được các Thiền gia - thi sĩ biểu đạt với những danh xưng khác nhau. Đó là hình tượng nương sinh diện (khuôn mặt mẹ) của Trần Thái Tông, vô vị chân nhân (con người thật không địa vị) là *“đông hoàng diện”* (bộ mặt chúa xuân) của Trần Nhân Tông; là chân diện mục (khuôn mặt thật), là đồng tử (trẻ thơ) của Tuệ Trung; là bản lai nhân (người gốc xưa) của Trần Minh Tông; là tự tại nhân (người tự do) của Hiện Quang, là *“nhàn tăng”* (sư nhàn), là *“nhất chủng tâm”* (một loại tâm) của Huyền Quang...Thơ Thiền gắn với tư tưởng Thiền và mỹ học Thiền, nó thường tập trung bàn về những vấn đề liên quan đến bản thể luận và giải thoát luận.

Cốt tủy của Phật giáo nói chung, Thiền tông nói riêng chính là khai mở cho mọi người liễu ngộ ra được *“con người thật không địa vị”* này. Đây là mấu chốt của việc giải quyết vấn đề bản thể luận, cũng là cảnh giới cao nhất của giải thoát luận theo triết học Phật giáo. Hình tượng một cành mai có sức cảm to lớn không khác gì cành mai của đức Phật Thích Ca trên hội Linh Sơn, như cái mỉm cười của Đại Ca Diếp làm cho tăng chúng ngơ ngác, như cái đánh đột ngột của Bách Trượng tuyệt đường tư duy lý luận, như tiếng hét đỉnh tai của Lâm Tế làm tan vỡ si mê cố chấp, khai thông trí tuệ Bát nhã, như cây gậy trong tay của Đức Sơn đập tan mọi vọng tưởng điên đảo mê lầm, như ly trà Triệu Châu mỗi người uống thấm cảm nhận mùi vị riêng của nó. Một cành mai dụ cho chân thân Thiền sư, dụ cho con người bất diệt trong con người tứ đại sinh diệt.

Con người này vượt qua tham lam, sân hận, si mê, vượt qua ngoài mọi cố chấp, thành kiến, biên kiến; vượt qua mọi giới hạn tầm thường của không gian, thời gian; vượt qua khỏi mọi quy luật hữu hạn là giá trị đích thực của con người. Đây không chỉ là cái nhìn lạc quan, tin tưởng yêu đời, ca ngợi sức sống mạnh mẽ kiên định trước định luật vô thường khắc nghiệt của cuộc đời mà chính là sự tự biểu hiện của con người thật không địa vị, đạt đến sự tự do tự tại, an lạc giải thoát với ý nghĩa cao nhất. Đạt đến con người thật không địa vị chính là vươn tới giá trị làm người đích thực, giải phóng con người với ý nghĩa cao nhất, triệt để nhất.

Phật giáo Thiền tông quan niệm *“vạn vật nhất thể”*, *“tâm pháp nhất như”*; bản thể của mọi chúng sinh bao gồm cả các loài hữu tình và vô tình đều không khác nhau. Xét đến cùng, ngộ nhập, sống trọn vẹn với con người thật không địa vị, với chân tâm Phật tính là mục tiêu lý tưởng cả cuộc đời của các thiền sư - thi sĩ, là sự giải thoát với ý nghĩa cao nhất, tuyệt đối nhất. Sự nhất quán này không chỉ thể hiện rõ trong tư tưởng Thiền, mà còn thống nhất trong toàn bộ hệ thống thơ Thiền.

Con người thật không địa vị của Trần Thái Tông thể hiện ra là một con người có cốt cách siêu việt, nhân phẩm tuyệt vời, trí tuệ hơn người, tài năng trác tuyệt, anh hùng cái thế; tuy ở ngôi nhân chủ mà vẫn sống đơn sơ, áo thô, giày vải, cơm canh đạm bạc, đem cả trí tuệ và sức lực cống hiến cả đời mình cho đất nước, cho dân tộc. Người đã thể nghiệm và sống trọn vẹn với con người thật không địa vị khi cho rằng tuy mỗi người sẵn có con người thật đó trong con người bằng xương bằng thịt nhưng không dễ phát hiện ra, như trong bài kệ:

*“Vô vị chân nhân” thật đở au
Hồng hồng trắng trắng đối chi nhau
Ai hay mây cuốn trời quang tịnh*

Núi hiện chân trời biếc một màu

Ở đây, “*Vô vị chân nhân*” cần phải dịch là con người thật không địa vị, chứ không phải là bậc chân nhân chưa thành Phật như có người đã dịch. Vì theo ngữ pháp tiếng Hán, chữ “*nhân*” là trung tâm ngữ, còn phần trước là định ngữ. Bài thơ này có lẽ tác giả lấy cảm hứng từ một đoạn văn trong “*Lâm Tế ngữ lục*” của ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền hiển thị tông phong, khai ngộ cho người hậu học: “*Trong thân xác máu thịt đồ hỗn có một con người thật không địa vị thường cùng các người ra vào, ai chưa rõ, hãy xem cho kỹ*”.

Hình ảnh mặt trời thường sáng nhưng do mây đen che phủ, không thấy được sự quang đảnh sáng sủa, nếu mây đen tan đi, cả bầu trời quang tạnh thoáng đảnh đẹp như tranh vẽ, phóng tầm mắt nhìn ra, xa xa là một rặng núi với một màu xanh biếc bên chân trời, dù cho con người thật không địa vị vốn có sẵn trong mỗi con người vô thường, ẩn tàng sự linh diệu và năng lực vô biên, nhưng do con người chấp trước vào thân tứ đại nên trí tuệ bị che lấp. Chỉ cần phá vỡ được thành kiến cố chấp, thì sẽ thể hội được con người kỳ diệu này.

Tư nghi vấn “*thùy*” (ai) vừa như kích thích gợi óc tò mò, vừa như san sẻ lòng mình thúc giục quay về để nhìn thấu rõ khuôn mặt thật của chính mình. Tuệ Trung thấy rằng:

*“Khuôn mặt người mẹ ai hay biết
Mới tin trời, người đều là giả.”*

Ai là người nhận rõ được khuôn mặt người mẹ, tức con người thật không địa vị thì sẽ thấu rõ được lẽ thật - giả. Có lẽ do Tuệ Trung đã triệt ngộ sống trọn vẹn với con người thật nên mới khẳng định rằng:

*“Cũng nét mày ngang đường mũi dọc
Phật với chúng sinh mặt khác nào.”*

Quan niệm Phật và chúng sinh hoàn toàn bình đẳng đều có cùng bộ mặt thật với lông mày ngang đường mũi dọc thật là hy hữu hiếm thấy trong thời cổ trung đại, thời kỳ mà ý thức hệ phong kiến với các thế lực siêu nhiên chi phối bao trùm lên toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cái nhìn vượt không gian, thời gian này là cơ sở vững chắc, mang tính nhân văn với ý nghĩa cao nhất, siêu việt thời đại về sự bình đẳng tuyệt đối không chỉ giữa người và người mà còn giữa mọi chúng sinh với Phật, Trời, Thần, Thánh. Bởi vì tất cả đều bình đẳng, không phân biệt, cùng địa vị như nhau.

Nếu con người thật không địa vị trong thơ Thiền là cái Thể, cái Tính chỉ có thể tịnh tâm thể nghiệm, không thể nắm bắt, phân tích, thì cái Dụng, cái Tướng của

nó thể hiện ra là hình mẫu những con người trí tuệ, con người tự tại, con người vô ngã vị tha, con người vũ trụ, con người vô úy, vô ngôn, lãng quên... Đó là những con người có trí tuệ, bản lĩnh, tự tin ở năng lực, sức mạnh của chính bản thân mình, không ỷ lại hay nương tựa vào bất kỳ ngoại lực nào khác, kể cả thần linh. Đó là những con người thông đời liễu đạo, am hiểu Nho Phật Lão, dung thông tư tưởng Tam giáo. Họ sẵn sàng đem trí tuệ và đức độ làm lợi ích cho cộng đồng, có công lớn trong việc an bang định quốc, bảo vệ và xây dựng đất nước, thiết lập cuộc sống thanh bình thịnh trị, ấm no hạnh phúc cho nhân dân.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

4. Quan niệm về con người trong thơ thiền với sự phát triển phẩm chất con người hiện đại

Nhìn lại dòng chảy hơn 4000 năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, từ những buổi bình minh lịch sử nước Văn Lang Âu Lạc đến các cuộc chiến tranh chống xâm lăng của những nước lớn mạnh hơn gấp nhiều lần, trong đó 3 lần đánh thắng quân Nguyên Mông, đánh đổ ách đô hộ nhà Minh, phá tan quân Thanh, và các cuộc chiến tranh chống thực dân, đế quốc. Vào thời đó, con người trong thơ Thiền được xác định trong Lý hoặc Luận: *“Ở trong nhà thì hiếu thảo với mẹ cha, ra ngoài xã hội thì giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình thì phải biết tu thân”*.

Cho đến ngày hôm nay, không phân biệt giới tính, tuổi tác, địa vị, hoàn cảnh, xuất thân, Tăng hay tục, các phẩm chất của một cá nhân cần phải có để trở thành một con người có ích cho xã hội không nằm ngoài quan niệm được khắc

họa trong thơ Thiền và lối sống Thiền đó là: Con người tứ đại vô thường, con người trí tuệ, con người tự tại, con người với tấm lòng yêu quê hương đất nước, con người vô ngã vị tha, con người thật không có địa vị.

Trong thời kỳ hội nhập hóa hiện nay, con người Việt Nam cần tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị văn hóa mới, đồng thời phát triển kỹ năng và kiến thức để đáp ứng các thách thức của toàn cầu hóa. Việc phát triển con người và văn hóa trở thành nhiệm vụ quan trọng, góp phần tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Theo Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP): *“Của cải đích thực của một quốc gia là con người của quốc gia đó. Và mục đích của phát triển là để tạo ra một môi trường thuận lợi cho phép con người được hưởng cuộc sống lâu dài, khoẻ mạnh và sáng tạo”*. Trong chương trình Nghị sự 2030 được thông qua bởi 193 quốc gia thành viên của Liên Hợp Quốc vào năm 2015 và Quyết định về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 ký ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc gồm 17 mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) được đưa ra nhằm thúc đẩy hòa bình, bảo vệ môi trường và chấm dứt nghèo đói trên toàn thế giới, trong đó nhấn mạnh rằng sự phát triển của con người là trung tâm của phát triển bền vững.

Cả thế giới vừa trải qua Đại dịch Covid 19 và chúng ta đang trong giai đoạn phục hồi về mọi mặt. Trong Chỉ thị 16 của Chính phủ Việt Nam về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Chính phủ và sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị với phương châm hành động *“dựa vào dân, phát huy sức mạnh nhân dân”* đã nhân lên niềm tin, tạo ra sức mạnh đồng bộ, thích ứng và làm giảm dần tác hại của dịch bệnh.

Tới ngày 7 tháng 9 năm 2024, Siêu bão Yagi - cơn bão mạnh nhất tấn công Việt Nam trong 30 năm qua - đã đổ bộ vào các tỉnh phía Bắc Việt Nam, ảnh hưởng đến hàng triệu trẻ em và gia đình. Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, theo báo cáo của các địa phương đến 17h ngày 14.9, thảm họa bão Yagi đã khiến 352 người tử vong và mất tích (276 người chết, 76 người mất tích) và 1,976 người bị thương. Tại 11 tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề nhất, 2,65 triệu trẻ em đang chịu ảnh hưởng. Khoảng 570,000 người thiếu nước uống và điều kiện vệ sinh an toàn, và 220,000 trẻ em dưới năm tuổi cùng 70,000 phụ nữ mang thai và cho con bú đang có nguy cơ suy dinh dưỡng.

Ở những khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, mỗi trẻ em đối mặt với việc mất từ 60 đến 120 giờ học tập, đối mặt với nguy cơ khủng hoảng tâm lý. Để lại

những tổn thất lớn về vật chất và những vết thương sâu sắc trong lòng người dân. Trong tâm khảm của những người dân Việt Nam chúng ta sẽ không bao giờ quên đi nỗi đau xé lòng của *“Nỗi đau Làng Nũ”*... Trong Khóa họp thường kỳ lần thứ 57 của Hội đồng Nhân quyền LHQ, Đại sứ Mai Phan Dũng - Trưởng Phái đoàn thường trực Việt Nam tại LHQ, cũng thông tin về việc Việt Nam đang khắc phục hậu quả do bão số 3 (Yagi) gây ra đồng thời đề cao chính sách phát triển của Việt Nam lấy con người làm trung tâm, coi con người là chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển, hướng đến đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Kinh Tương Ưng bộ ghi lại lời dạy của đức Phật tại vườn Lộc uyển như sau: *“Này các Thầy, hãy đi, hãy đi vì lợi lạc, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người”*. Lời dạy trên gợi ý cho chúng ta hiểu rằng, sự ra đời của đức Phật không ngoài mục đích giải quyết những khổ đau cho con người, nghĩa là, khi con người còn khổ đau thì Phật giáo còn tồn tại.

Phật giáo coi thế giới là một bể khổ và mục đích cuối cùng của Phật giáo là tìm con đường giải thoát con người khỏi bể khổ luân hồi đó. Phật giáo chủ trương: *“Dĩ chúng tâm kỷ tâm”*, đề cao con người, coi con người là trên hết.

Trong Phật giáo, các vị Bồ tát xem nỗi đau khổ của chúng sinh là nỗi đau khổ của mình, bao giờ nỗi đau khổ của chúng sinh chưa dứt thì thể chưa thành Phật. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Dân chúng công nông là gốc cách mệnh”* và *“nhân nghĩa là nhân dân”*. Trong bầu trời không có gì tốt đẹp vẻ vang bằng phục vụ lợi ích cho nhân dân. Mục tiêu của phát triển bền vững do Liên Hợp Quốc đề ra là tạo ra một thế giới mà ở đó tất cả mọi người đều có thể sống tốt mà không làm hại đến hành tinh và tương lai của chúng ta.

Theo giáo sư Trần Văn Giàu, lòng yêu nước là *“sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử Việt Nam”*. Trong bối cảnh Đại Việt vừa giành chiến thắng trong cuộc chiến với nhà Tống:

*“Trời đẹp, gió thuận, giương cánh buồm gấm
Bạc thần tiên trở lại chốn đế đô
Nghìn trùng muôn dặm vượt qua sóng biếc
Đường về nơi cung thất xa xôi
Lòng người bịn rịn trước chén rượu biệt ly
Lưu luyến vịn xe sứ giả
Mong đem ý nghĩa sâu xa về chuyện cương giới
Tâu lại rành mạch với hoàng đế chúng ta”*

(Ngọc Lang Quy - Thiền sư Quốc Sư Khuông Việt).

Cuộc sống tu hành không tách rời khỏi việc đóng góp cho tổ quốc, sự kết nối giữa thiền và thực tiễn xã hội, hay nói cách khác Phật giáo luôn đồng hành cùng vận mệnh dân tộc, khát vọng hòa bình khi niềm khát khao cháy bỏng ấy đã làm nên tính Thiền của Văn thư ngoại giao đầu tiên nhằm yên lòng kẻ thù.

Bài thơ này không chỉ có giá trị văn học mà còn mang thông điệp về hòa bình và sự thống nhất dân tộc. Sự đoàn kết là yếu tố then chốt để đất nước phát triển. Lịch sử đã chứng minh rằng khi dân tộc đoàn kết, đất nước sẽ vững mạnh:

*“Vận nước như dây leo quấn quít
Trời Nam mở nền thái bình
Hãy dùng phép Vô vi ở nơi cung đình
Thì mọi chốn đều dứt hết đao binh.”*

(Vận nước - Thiền sư Quốc Tộ).

Với tính cách là một lực lượng văn hóa dân tộc, Phật giáo không thể tách rời sự nghiệp đấu tranh thường trực để dựng nước và giữ nước của dân tộc. Có thể hiểu vì sao những bài thơ Thiền thấm đẫm triết lý Phật dẫn ra ở trên đều hàm chứa mối quan tâm đến vận nước.

Nói về đoàn kết của toàn dân và tài đức của người lãnh đạo, nhắc nhở người cầm quyền, người lãnh đạo nếu có đức lớn thực hiện được vô vi trước hết là ở nơi điện cát thì đất nước sẽ được thái bình, từng con người có thể yếu ớt như từng sợi mây, nhưng nếu biết kết hợp lại sẽ trở thành sức mạnh vô địch, không ai có thể đánh phá được, đây được coi là bản tuyên ngôn hòa bình đầu tiên của Việt Nam, cho đến nay vẫn có tính thời sự. Có lẽ trong bài học đầu đời của mỗi con trẻ sinh ra và lớn lên trên dải đất mến thương hình chữ S đều được cha mẹ dạy về tình yêu quê hương, đất nước. Tình yêu ấy bắt nguồn từ những thứ rất giản dị, mộc mạc của làng quê, trong đó có hình ảnh cây đa, bến nước, con đò...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có thư kêu gọi toàn quốc như: Thư kêu gọi khởi nghĩa vào tháng 8-1945, đến Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, ngày 19-12-1946 và Lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước ngày 17-7-1966... Đó là lời kêu gọi của non sông đất nước, lời hiệu triệu toàn dân thể hiện trọng trách với vận mệnh dân tộc. Tháng 3-2020, Lời kêu gọi toàn dân phòng, chống dịch bệnh COVID-19 lần thứ nhất của cố Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng: *“Tôi tin tưởng sâu sắc rằng cả nước góp sức, toàn Đảng, toàn dân đồng lòng, thống nhất ý chí và hành động, cùng với sự giúp đỡ chí tình của đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế, nhất định chúng ta sẽ chiến thắng đại dịch COVID-19 và phải chiến thắng cho bằng được, góp phần xứng đáng vào sự nỗ lực chung của toàn nhân loại vì một thế giới an toàn, lành mạnh, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và thịnh*

vượng, xứng đáng với truyền thống anh hùng vẻ vang của đất nước ta, dân tộc ta!”.

Giáo dục về tình thương là một đề tài rất lớn mà đức Phật luôn đề cập đến trong nhiều kinh, được xem là vấn đề cốt tuỷ trong đạo Phật, Khi người ta thương, người ta có thể làm được những công việc mà người không thương không thể làm được.

Cả nước hướng về miền Bắc trong cơn bão yagi, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã bật khóc khi đến hiện trường vụ lũ quét ở Làng Nủ (Lào Cai), Thủ tướng chỉ đạo rằng: *“Chậm nhất đến 31/12 chính quyền phải lo xây dựng, tái thiết lại thôn Làng Nủ, để tất cả những người bị ảnh hưởng có chỗ ở, có điện, có nước, có nơi vui chơi và cây xanh, có môi trường sống lành mạnh”*. Đây chính xác là thuyết thuyết *“Cư trần lạc đạo”* của Vị Phật vị vua nhà Trần: Trần Nhân Tông, *“Đói cứ ăn no, mệt ngủ liền”*, *“Đói ăn, mệt ngủ”* không phải là một vấn đề cá nhân, mà còn là nỗi trăn trở của người chính trị, người lãnh đạo đất nước đó là lo cho cái ăn, giấc ngủ của nhân dân, nhu cầu cơ bản của con người, đây là đường lối, chủ trương xây dựng đất nước của các bậc lãnh đạo đất nước từ xưa đến nay.

Dù trong thời bình hay thời chiến, dù ở chiến trường hay thiền đường, trên đường Đạo mà đường Đời cũng vậy:

“Trong cây vốn có lửa

Sẵn lửa, lửa mới sinh ra

Nếu cây không có lửa

Khi cọ xát sao lại thành?” (Nguyên Hổa - Thiền sư Quốc Sư Khuông Việt)

Nếu không tự tin vào mình phải nương tựa vào người khác thì chẳng bao giờ có được thành công, nếu dân tộc Đại Việt ở thời điểm đó không thấy và không tin vào sức mạnh của mình thì mãi mãi mang tâm lý khiếp sợ nước lớn lân bang làm sao có đủ tinh thần và ý chí để giữ nước, hộ quốc an dân trong thơ thiền là vậy. Các bài thơ thị tịch của thiền sư là những thông điệp mong cho đất nước luôn luôn được thanh bình, để đạt được điều đó thì nó nằm ở nề nếp của các vị lãnh đạo của đất nước, các vị thiền sư nói lên tất cả cái tâm tình của mình nhưng cái tâm tình đó được viết qua thơ thiền. Phật giáo cũng khuyên con người tự làm chủ suy nghĩ và hành vi của mình: *“Hãy sống tự mình làm hòn đảo của chính mình, hãy nương tựa vào chính mình, không nương tựa vào ai khác. Hãy lấy Pháp làm hòn đảo, hãy lấy Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào ai khác”*

Tư tưởng của Thiền sư Vạn Hạnh là: *“Không chỉ cầu giải thoát cho mình, cũng không phải lãnh đạm với xã hội để hướng ra thiên nhiên sống ưu du. Thiền của*

Vạn Hạnh là thiền của hành động thực tế phụng sự dân tộc. Đi vào tư tưởng thiền Vạn Hạnh là cứu mang sứ mệnh hồi phục và thể hiện tinh thần văn hóa Việt Nam". Với triết lý thiền hành động của Vạn Hạnh đã giúp cho con người nhìn về phía trước để kiến tạo một tương lai tươi sáng cho bản thân và cho dân tộc, yêu cầu con người phải chủ động nắm lấy quy luật phát triển của sự vật và xã hội để không có gì phải choáng váng khi một biến cố nào đó xảy ra, để tích cực hành động, thúc đẩy lịch sử tiến lên. Cả cuộc đời trên 90 năm của Vạn Hạnh đã thể hiện được trọn vẹn triết lý hành động này. Vì sự thịnh suy của triều đại còn chóng vánh hơn cả sự có không của thân mạng con người, đây là một triết lý hành động nhập thế tích cực xuất phát từ những con người đã làm nên thời kỳ oanh liệt của lịch sử đất nước.

Thông qua Chiếu dời đô, Lý Thái Tổ muốn xây dựng Phật quốc Đại Việt hạnh phúc bằng cuộc thực thi cách mạng tận gốc rễ trong chính cội nguồn sâu thẳm của nội tâm, đem đạo vào đời, đi từ cách mạng xã hội nhân bản sang Phật bản...đó là những điều cốt tủy trong quyết sách của nhà Lý, nhờ vậy đã vững chắc và thịnh vượng ngự trị hơn 200 năm.

Cũng như Sơ tổ Trúc lâm, Nhị tổ Pháp Loa, Huyền Quang đã thấu triệt, cho dù cuộc sống vật chất của con dân Đại Việt có đầy đủ sung túc đến đâu, mà không có trí tuệ, không ngộ được Phật tính, không thấu rõ bản chất của vạn vật, không hóa giải được phiền não, khổ đau mê lầm, không vượt ra ngoài nhị nguyên, cố chấp, thành kiến, thì con dân Đại Việt vẫn còn sinh tử luân hồi khổ đau triền miên bức bách, chưa thật sự có cuộc sống an vui, hạnh phúc, chưa tự tại an nhiên trước hiện thực biến động vô thường vốn có của kiếp sống nhân sinh.

Điều mà Huyền Quang hướng đến, cũng là cái mà Điều Ngự Giác Hoàng mong mỏi là mọi công dân Đại Việt đều có trí tuệ giải thoát như Trần Nhân Tông, như Pháp Loa, như Huyền Quang. Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông từng mong muốn mọi người ai ai cũng được như đức Phật Thích Ca, đức Phật Di Lặc trong Cư trần lạc đạo phú: *"Tích nhân nghi, tu đạo đức ai hay này chẳng Thích Ca; Cầm giới hạnh, đoạn ghen tham, chính thực ấy là Di Lặc"*. Tức là mọi người đều sống trọn vẹn với chân tâm, Phật tính sáng suốt của chính mình, không còn bị trói buộc, vướng bận, phiền lụy vào vòng danh lợi, tham dục, không còn chạy theo cái bóng của sự thịnh suy, được mất của thế cuộc. Ngay cả đối diện với vấn đề sống chết vẫn không sợ hãi. Sống hết lòng với chúng sinh, sống trọn vẹn với cuộc sống, tận tâm vì dân vì nước, nhưng vẫn an lạc, hạnh phúc và tự tại. Chúng ta ngày nay đầy đủ phước duyên được thừa hưởng gia sản quý báu của tổ tiên, không lý do gì không bảo lưu, giữ gìn và phát huy những điều được trong Thơ thiền dạy bảo.

Mối quan tâm chung không ngừng nghỉ của con người về vật chất là “*Cơm, áo, gạo, tiền*”, sau đó là tinh thần làm sao để có được hạnh phúc? Nỗi lo đó được giải đáp một cách triệt để khi con người bắt gặp được giáo lý nhà Phật, khi đọc thơ Thiền, cảm thơ Thiền và ngộ thơ Thiền. Thực tế sinh mệnh con người từ khi cất tiếng khóc chào đời vốn đã tự trói mình trong các xiềng xích từng ý niệm phân biệt giả hợp. Cho nên, con người vội vã tìm kiếm ảo giác hạnh phúc bên ngoài đời thường.

Con người nói chung đều mong muốn bản thân mình trẻ mãi không già, luôn vui vẻ hạnh phúc mà không hề chờ đợi đau khổ muộn phiền. Làm sao để không già, không bệnh, không khổ và không chết? Những mong ước như thế cứ canh cánh bên lòng khiến con người giữa trần ai mãi hoài đi tìm lời giải đáp. Người ta cứ ước vọng xa xôi mà không quay trở về với tự tính chân tâm, không tự bằng lòng với những gì đang có, không tìm được “*an lạc trong hiện tại*”. Ngày ngày rong ruổi giữa dòng đời biến động, đêm đêm vọng tưởng trong giấc mộng miên man.

Nói đến yếu tố Thiền trong thơ Thiền không đơn giản là nhắc tên các vị Phật, các bộ kinh, mà có thể hiện thực mềm chảy các dưỡng lý Thiền với những điều tinh cốt nhất như sự tĩnh lặng, an nhiên, coi nhẹ danh lợi để rồi bình tâm trước mọi biến chuyển của cuộc đời. Khi đọc thơ Thiền vẫn mong bạn lĩnh hội được đạo Thiền và thực hành Thiền vào trong cuộc sống của mình.

Khi có chính niệm sâu sắc, khi có niệm đủ lớn trong mọi sinh hoạt hàng ngày, đưa hơi thở sâu vào từng hành động của bản thân đi, đứng, nằm, ngồi, ta sẽ hành xử ung dung tự tại giữa đời sống phố thị dù huyên áo tấp nập, khi nội công thâm hậu thì có thể an lạc bất cứ lúc nào, sống một phút thì sẽ an lạc một phút, cho tới một giờ một ngày, tháng năm, an lạc luôn hiện hữu trong ta. Ta không bị ràng buộc, dính mắc vào hoàn cảnh, không kẹt vào, chi phối bởi sự ồn ào hay tĩnh lặng. Lúc này là lúc cần biết và thực hành thiền ăn, thiền uống, thiền đi, thiền ngồi, thiền rửa bát, thiền ôm, thiền buông thư, thiền đánh răng, thiền rửa mặt, thiền nghe điện thoại, thiền nấu ăn... để đạt tới trạng thái an lạc ngay bây giờ và ở đây: “*Hành diệc thiền, Tọa diệc thiền; Nhất đoá hồng lô hỏa lý liên, Một ý khí thì thêm ý khí, Đắc an tiện xứ thả an tiên*” (Đi cũng thiền, Ngồi cũng thiền; Một đoá hoa sen trong lò lửa hồng, Khi không có ý khí thì tăng thêm ý khí, Được nơi an định hãy cứ an định).

Với những giá trị tốt đẹp vốn có của Phật giáo và những đóng góp của Thiền học Việt Nam nói chung, Thơ thiền Việt Nam nói riêng. Chúng ta đã đọc Ngọc Lang Quy, Vận nước, Nguyên Hỏa, Cư trần lạc đạo ...chưa? Các bạn trẻ của chúng ta ngày hôm nay chúng ta có gì? Chúng ta có những phương cách nào trong việc phát triển thân và tâm mình? Để hòa nhập vào dòng chảy vận mệnh nội sinh

của dân tộc? Các bạn trẻ thấy gì khi nghe bài hát “*Lời bác dặn trước lúc đi xa*” của cố Nhạc sĩ Trần Hoàn; các bạn thấy gì khi nghe lời chia sẻ của Cố Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng: “*Hạnh phúc của con người không phải chỉ ở chỗ nhiều tiền, lắm của, ăn ngon, mặc đẹp, mà còn ở sự phong phú về tâm hồn, được sống giữa tình thương và lòng nhân ái, lẽ phải và công bằng*”; Các bạn thấy gì khi xem video Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu vào năm 1963?...Chúng tôi tin rằng lòng yêu nước của các bạn nằm trong xương tủy, trong máu, trong tâm thức của các bạn, như rễ cây bám chặt vào đất, để từ đó các bạn biết làm gì cho sự hạnh phúc tự thân và hạnh phúc của dân tộc.

5. Thay lời kết

Văn học Phật giáo nói chung, thơ thiền nói riêng là di sản văn hóa quý báu đáng tự hào của dân tộc Việt Nam. Thơ thiền đã thể hiện quan điểm của các vị Quốc sư -Đại Sư -Thiền sư trên nhiều bình diện – tư tưởng tôn giáo, quan điểm chính trị, ứng xử văn hóa, giáo dục, phong cách văn học,...đã góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng quốc gia, chiến thắng ngoại xâm, bảo tồn nền độc lập dân tộc Việt đương thời, thiết nghĩ, luôn là bài học quý giá cho hậu thế.

Trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay, thơ thiền Việt Nam là viên ngọc quý trong gia tài văn học Việt Nam văn hóa nước ta lan tỏa ra thế giới và văn hóa thế giới cũng du nhập mạnh mẽ vào nước ta. Trong nhịp sống hối hả và áp lực không ngừng gia tăng, thơ Thiền nổi lên như một nguồn an ủi và hướng dẫn tinh thần vượt thời gian. Bất kể nền văn hóa hay tín ngưỡng nào, con người trên khắp thế giới đều tìm kiếm sự bình yên nội tâm và ý nghĩa cuộc sống, Thơ thiền góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, bồi đắp những phẩm chất tốt đẹp như lòng từ bi, sự thấu hiểu và lòng biết ơn, thúc đẩy sự hòa hợp và hiểu biết lẫn nhau giữa các cá nhân và cộng đồng, giúp con người sống một cuộc đời ý nghĩa và hạnh phúc hơn

Tài liệu tham khảo:

1. DT.Suzuki - Erich From Richard de Martino (2017), Thiền và phân tâm học, Nxb Hồng Đức.
2. Đoàn Thị Thu Vân (1996), Khảo sát đặc trưng nghệ thuật của thơ Thiền Việt Nam thế kỷ XI-thế kỷ XV, Trung tâm nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học.
3. Nguyễn Công Lý (1997), Bản sắc dân tộc trong văn học Thiền tông thời Lý – Trần, Nxb Văn hoá thông tin.
4. Nguyễn Đăng Thục (1966), Thiền học Việt Nam, Lá Bối.

5. Nguyễn Phú Trọng, Lời kêu gọi gửi đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài về công tác phòng, chống đại dịch Covid-19, Báo điện tử Chính phủ, Hà Nội, 2021
 6. Thích Minh Châu (1993), Đại Tạng Kinh Việt Nam, Kinh Trường bộ, tập 1, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.
 7. Thích Nhất Hạnh (2009), Trái tim của Trúc Lâm đại sĩ, Nxb Phương Đông
 8. Thích Hạnh Tuệ (2020), Văn học Phật giáo Việt Nam một hướng tiếp cận, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
 9. Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2022), Thiền học Việt Nam, Nxb Phụ nữ Việt Nam.
 10. Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Quế (2022), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
 11. Tổng tập văn học Việt Nam (2017), tập 2, Nxb KHXH, HN
 12. Quyết định ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030, Số: 841/QĐ-TTg. ký ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ
 13. Hồ Chí Minh (1960), Phát huy tinh thần cầu học cầu tiến. Nxb Sự Thật, Hà Nội
 14. Hồ Chí Minh (1984), Toàn tập, Tập II. Nxb Sự Thật, Hà Nội.
 15. Viện Văn học (1989), Thơ văn Lý - Trần, tập 2, quyển thượng, Nxb KHXH, HN
- Tác giả: **Thượng tọa TS Thích Hạnh Tuệ - TS Thích nữ Thanh Quế**